HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2024/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 5203/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi làm căn cứ lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; 14 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó mức chi thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều này.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Theo mức tiền lương tối thiểu vùng tại vùng thực hiện nhiệm vụ tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh)

a) Chi thuê chuyên gia trong nước: Áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Thông tư số 03/2023/TT-BTC).

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước: Áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

STT	**Nội dung**	**Đơn vị tính**	**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: Đồng)**	**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: Đồng)**
1	Người chủ trì	Người/buổi	1.400.000	700.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	350.000	175.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100.000	1.050.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.050.000	525.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	210.000	105.000

4. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

nhưng tối đa không quá 210.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa không quá 105.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi tiền thù lao hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: Đồng)	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: Đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.050.000	525.000
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700.000	350.000
	Thư ký khoa học		210.000	105.000
	Thư ký hành chính		210.000	105.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350.000	175.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490.000	245.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		490.000	245.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350.000	175.000
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao			

	trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260.000	630.000
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050.000	525.000
	Thư ký khoa học		210.000	105.000
	Thư ký hành chính		210.000	105.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	245.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	350.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.260.000	630.000
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.050.000	525.000
	Thư ký khoa học		210.000	105.000
	Thư ký hành chính		210.000	105.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	245.000

	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	350.000
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh).	Chuyên gia	1.050.000	

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: Đồng)	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: Đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000	350.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490.000	245.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210.000	105.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140.000	70.000

Điều 4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC (đối với các nội dung chi được dẫn chiếu theo các Thông tư khác mà các Thông tư này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành nghị quyết về định mức chi thì thực hiện chi theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu